

Biểu số 004.N/BCB-NNMT
Ban hành kèm theo Nghị định
số 139/2026/NĐ-CP ngày
07/4/2026

Ngày nhận báo cáo:
Ngày 05 tháng 5 năm kế tiếp
sau năm báo cáo

**TỶ LỆ DÂN SỐ NÔNG
THÔN SỬ DỤNG NƯỚC
SẠCH ĐÁP ỨNG QUY
CHUẨN**

Có tại ngày 31 tháng 12 năm ...

Đơn vị báo cáo:
Bộ Nông nghiệp và Môi
trường
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê, Bộ Tài
chính

	Mã số	Tổng dân số khu vực nông thôn (1000 người)	Dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (1000 người)	Tỷ lệ dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (%)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3) = (2:1)x100
Tổng số	01			
1. Chia theo vùng kinh tế - xã hội				
1.1. Vùng đồng bằng sông Hồng	02			
1.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc	...			
1.3. Vùng Bắc Trung Bộ				
1.4. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên				
1.5. Vùng Đông Nam Bộ				
1.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long				
2. Chia theo tỉnh/thành phố				
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)</i>				
2.1. Hà Nội				

2.2. ...				
----------	--	--	--	--

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 004.N/BCB-NNMT: Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nước sạch đáp ứng quy chuẩn là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn là tỷ lệ phần trăm giữa dân số sống ở khu vực nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn so với tổng dân số ở khu vực nông thôn.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (\%)} = \frac{\text{Dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn}}{\text{Tổng dân số nông thôn}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng dân số khu vực nông thôn của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố và của từng vùng kinh tế - xã hội có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Cột 2: Ghi tổng dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố và của từng vùng kinh tế - xã hội có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Cột 3: Ghi tỷ lệ dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn qua hệ thống cấp nước tập trung của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố và của từng vùng kinh tế - xã hội có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

Lưu ý: Cột 3 = (Cột 2 : Cột 1) x 100

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của ngành Nông nghiệp và Môi trường.